



# PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)  
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

[www.pioneershipbrokers.com.vn](http://www.pioneershipbrokers.com.vn)

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS** và **Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

## TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 16/2023

(11/04/2023 – 17/04/2023)

### 1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI tiếp tục quay đầu giảm 125 điểm, hiện còn 1.435 điểm. Cước thuê tàu vẫn chưa phục hồi sau Lễ phục sinh, nguyên nhân chủ yếu là danh sách tàu nằm chờ dồn ứ trong giai đoạn nghỉ lễ và hiện tại nguồn cung tàu đang vượt quá nhu cầu chuyên chở. Thị trường mua bán tàu tuần qua cũng chững lại và có xu hướng giảm nhẹ. Giá tàu nhìn chung vẫn ở mức tốt, song không còn cao như kỳ vọng của chủ tàu. Đơn cử như tàu **Nord Setouchi** (28.204 dwt, đóng 2010 Nhật, chở được gỗ, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 11/2023, SS 12/2025). Tuy tuần trước có thông tin giá bán tàu là 12 triệu đô la Mỹ song thông tin chính thức giá chốt chỉ quanh mức 11 triệu đô la Mỹ. Được biết tình trạng hầm hàng của tàu không quá tốt và tàu cần phải lên đà DD 11/2023. Tháng trước tàu chị em trẻ hơn 2 tuổi **Merchant Tree** (28.364 dwt, đóng 2012 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 07/2025, SS 10/2027) bán được 13,3 triệu. Một tàu Handysize khác là **Lady Laura** (31.945 dwt, đóng 2008 Nhật, chở được gỗ, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn) được chủ tàu Hong Kong Taylor Maritime bán với giá khoảng 12 triệu đô la Mỹ. Mức giá này không cao trong thời điểm hiện nay nhưng khá dễ hiểu khi tàu sắp phải lên đà định kỳ 08/2023. Giá bán tàu **Nord Setouchi** và **Lady Laura** sẽ là mốc tham chiếu mới tương ứng cho cỡ tàu 28k dwt và 32k dwt trẻ đóng Nhật trong thời gian tới.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, ảnh hưởng Lễ phục sinh khiến thị trường thuê tàu ở hầu hết các size tương đối trầm lắng ở nhiều khu vực. Trong khi thị trường tàu stainless steel, J19 có dấu hiệu giảm và một số chủ tàu bắt đầu chào bán tàu ra thị trường thì thị trường MR tanker vẫn đang duy trì ở mức khá cao và giá tàu MR cũng liên tục tăng trong những tuần vừa qua. Đáng chú ý nhất là tàu **Di Matteo** (46.592 dwt, đóng 2009 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD/SS 10/2024) được ghi nhận bán với giá hơn 25 triệu đô la Mỹ, tăng hơn gần 1 triệu đô la Mỹ so với cách đây 1-2 tuần. Hầu hết các size tàu khác hiện nay vẫn chưa có dấu hiệu rõ ràng, tuy nhiên theo nhiều báo cáo, thị trường tàu tanker sẽ dần trở về giá trị thực của mình trong thời gian tới.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
<b>BULKERS</b>						
<b>Stella Ada</b>	2011	China	180,223	25.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 09/2023, SS 12/2025
<b>Ultra Panache</b>	2011	Japan	78,450	21.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 01/2024, SS 02/2026

<b>Ying Hao 03</b>	2012	China	76,037	18.00	Undisclosed	BWTS fitted, SS 05/2027
<b>Navios Anthos</b>	2004	Japan	75,798	11.25	Undisclosed	BWTS fitted, SS 09/2024
<b>Global Royal</b>	2022	China	61,211	34.70	Undisclosed	BWTS fitted, DD 03/2025, SS 03/2027
<b>Newport Eagle</b>	2011	China	57,970	16.00		DD 02/2025, SS 12/2026
<b>Montauk Eagle</b>	2011	China	57,970	16.00	Undisclosed	DD 12/2024, SS 10/2026
<b>Sankaty Eagle</b>	2011	China	57,970	16.00		DD 07/2024, SS 04/2026
<b>Sania</b>	2010	China	57,011	14.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD due 09/2023, SS 10/2025
<b>Asian Triumph</b>	2012	China	56,536	14.80	Undisclosed	SS 09/2027
<b>Stara Planina</b>	2007	Bulgaria	42,704	12.00	Turkish	Old sale 03/2023, ice class II, DD 05/2025, SS 06/2027
<b>Pacific Spirit</b>	2009	China	35,283	Undisclosed	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS 04/2024, HK-based owner
<b>Lady Laura</b>	2008	Japan	31,945	12.00	Undisclosed	Open hatch, BWTS fitted, log-fitted, DD/SS due 08/2023
<b>Nord Setouchi</b>	2010	Japan	28,204	11.00	Indonesian	BWTS fitted, log-fitted, DD 11/2023, SS 12/2025
<b>TANKERS</b>						
<b>Ridgebury Elizabeth B</b>	2011	Korea	158,574	47.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 08/2024, SS 05/2026
<b>Ridgebury Lessley B</b>	2013	Korea	158,319	54.50		BWTS & scrubber fitted, DD/SS 09/2023
<b>Nautical Deborah</b>	2018	China	75,343	51.00	Advantage Tankers	Fixed long TC to Trafigura at USD 28,5k/day, <i>Nautical Deborah</i> (DD/SS due 07/2023), <i>Nautical Sarah</i> (DD due 04/2023, SS 04/2024), <i>Nautical Janine</i> (DD/SS 01/2024)
<b>Nautical Sarah</b>	2019	China	75,144	51.00		
<b>Nautical Janine</b>	2019	China	75,111	51.00		
<b>Hafnia Rhine</b>	2008	China	76,578	26.50	Undisclosed	DD 03/2023, SS 03/2028
<b>Harbiye</b>	2008	Korea	50,554	Undisclosed	Undisclosed	Chemical IMO II/II, epoxy coated, DD 08/2025, SS
<b>Kiribora</b>	2013	Korea	50,044	33.50	Undisclosed	Chemical IMO III, epoxy coated
<b>Bahri Iris</b>	2005	Korea	49,000	17.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD due 04/2023, SS 01/2025
<b>Di Matteo</b>	2009	Japan	46,592	25.00-26.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 10/2024
<b>Odori</b>	2005	Japan	45,897	20.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 09/2023, SS 08/2025
<b>Patani</b>	2009	China	16,611	12.50	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, ice class 1A, M/E Wartsila, DD 12/2024, SS 01/2024

<b>Tiger Perseverance</b>	2019	Japan	12,267	27.50	Chinese	BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS 01/2024
<b>Tiger Reliance</b>	2018	Japan	12,259	27.50		BWTS fitted, chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS due 07/2023
<b>CONTAINER</b>						
<b>Maersk Surabaya</b>	2006	Korea	108,350	40.25	MSC	8401 teu, BWTS fitted, ice class II, DD 01/2025, SS 11/2026
<b>Maersk Yamuna VI</b>	2004	Japan	67,009	Undisclosed	MSC	5928 teu, DD/SS 02/2024
<b>Ever Unific</b>	1999	Japan	63,216	Undisclosed	MSC	5652 teu, BWTS fitted, M/E Sulzer, DD/SS 03/2024
<b>Ever Uberty</b>	1999	Japan	63,216	Undisclosed		BWTS fitted, M/E Sulzer, DD/SS 01/2024

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm	Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
		03/2023	1M	3M	6M	12M				03/2023	1M	3M	6M	12M	
<b>CAPESIZE</b>								<b>VLCC</b>							
180k dwt	Resale	64.50	18%	21%	12%	7%	52.00	310k dwt	Resale	126.00	0%	0%	8%	29%	96.00
180k dwt	5 tuổi	54.00	21%	24%	14%	17%	36.25	310k dwt	5 tuổi	100.50	0%	5%	14%	39%	71.50
170k dwt	10 tuổi	33.00	12%	16%	8%	3%	25.75	250k dwt	10 tuổi	76.50	0%	9%	19%	51%	48.50
150k dwt	15 tuổi	21.00	11%	14%	12%	0%	16.25	250k dwt	15 tuổi	60.50	0%	3%	27%	70%	33.50
<b>PANAMAX</b>								<b>SUEZMAX</b>							
82k dwt	Resale	40.00	7%	7%	5%	-8%	33.25	160k dwt	Resale	86.00	0%	0%	4%	25%	65.75
82k dwt	5 tuổi	33.00	8%	8%	5%	-8%	26.25	150k dwt	5 tuổi	69.00	1%	5%	10%	39%	49.00
76k dwt	10 tuổi	24.50	7%	11%	8%	-6%	17.50	150k dwt	10 tuổi	54.00	1%	11%	19%	61%	33.50
74k dwt	15 tuổi	16.25	7%	7%	2%	-7%	11.75	150k dwt	15 tuổi	34.50	1%	8%	15%	68%	20.50
<b>SUPRAMAX</b>								<b>AFRAMAX</b>							
62k dwt	Resale	39.00	7%	7%	4%	-5%	31.00	110k dwt	Resale	78.50	3%	3%	8%	34%	53.25
58k dwt	5 tuổi	31.50	11%	15%	7%	3%	21.00	110k dwt	5 tuổi	63.00	0%	4%	10%	38%	39.00
56k dwt	10 tuổi	21.50	13%	16%	0%	-7%	15.50	105k dwt	10 tuổi	50.50	0%	11%	19%	80%	26.50
52k dwt	15 tuổi	16.00	5%	5%	2%	-11%	10.75	105k dwt	15 tuổi	33.00	0%	10%	18%	86%	16.25
<b>HANDYSIZE</b>								<b>MR</b>							
37k dwt	Resale	32.00	8%	12%	3%	-3%	25.25	52k dwt	Resale	48.50	0%	0%	2%	18%	38.50
37k dwt	5 tuổi	26.50	6%	10%	0%	-7%	18.75	52k dwt	5 tuổi	42.00	0%	4%	4%	38%	29.25
32k dwt	10 tuổi	19.00	12%	15%	3%	0%	12.25	45k dwt	10 tuổi	34.00	5%	11%	15%	74%	19.50
28k dwt	15 tuổi	12.75	16%	21%	11%	-2%	7.75	45k dwt	15 tuổi	23.50	9%	9%	21%	88%	12.25

## 2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	257.50	1	Daewoo	MOSK	8/2027	
Bulker	82,000 cbm	33.00	12	Jiangsu New Hantong	Shandong Shipping Consultants	From 2024	Price per unit
Bulker	82,000 cbm	33.00	2	Chengxi	Neda Maritime	2025	Price per unit, methanol ready
Container	15,000 teu	180.00	5	Hyundai H.I.	Yangming	2025-2026	Price per unit, LNG dual-fueled

Container	15,000 teu	175.00	5	Jiangnan	Yangming	SH 2025-2026	Price per unit, methanol dual-fueled
Container	8,000 teu	120.00	7	Hyundai H.I.	Maersk	2025-2026	Price per unit, methanol dual-fueled
MPP	84,500 dwt	50.00-51.00	15	Chengxi (10), Shanhaiguan (5)	CITC Financil Leasing	From SH 2025	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	03/2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	62.5	2.46%	-2.34%	-4.58%	1.63%
Panamax (77.000 dwt)	34.5	1.47%	-11.54%	-13.75%	-4.17%
Supramax (61.000 dwt)	33.0	4.76%	-9.59%	-12.00%	0.00%
Handysize (37.000 dwt)	30.0	3.45%	-10.45%	-13.04%	-1.64%

Giá trị tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	03/2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	121.0	0.00%	0.00%	0.83%	4.31%
Suezmax (170.000 dwt)	81.5	0.62%	-0.61%	-0.61%	4.49%
A.max (115.000 dwt)	65.0	1.56%	0.00%	0.00%	6.56%
MR (56.000 dwt)	45.5	2.25%	2.25%	3.41%	8.33%

### 3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

#### 3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua lao dốc do Lễ Phục Sinh diễn ra ở nhiều Quốc gia. Số lượng hàng hoá trên khắp thế giới được ghi nhận ở mức rất thấp so với kỳ vọng trong tháng 3 vừa qua. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 12.059 đô la Mỹ, giảm 714 đô la Mỹ (tương đương 5,59%) so với mức 12.773 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Thái Bình Dương, Pacific Basin chốt tàu **CMB Bruegel** (63.667 dwt, đóng 2021) đi ngay từ Taichun, chở muối qua Bờ Tây nước Úc đến Nhật Bản với giá khoảng 13.400 đô la Mỹ, tàu **Vosco Sunrise** (56.742 dwt, đóng 2013) được chốt đi từ Hồng Kông (13/04) qua Indonesia đến Trung Quốc với giá khoảng 8.000 đô la Mỹ, cuối tuần qua Swire chốt tàu **Belray** (61.379 dwt, đóng 2019) đi từ Ulsan (04-05/04), chở quặng tinh luyện qua Indonesia đến Continent với giá khoảng 10.000 đô la Mỹ. Cùng lúc ở Ấn Độ Dương, tàu **Pacific Nexus** (55.819 dwt, đóng 2017) được chốt đi từ Maputo (giữa tháng 04) đến Ấn Độ với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ cộng thêm 150.000 đô la Mỹ chi phí ballast, Victory Shipping chốt tàu **Lowlands Breeze** (61.430 dwt, đóng 2013) đi ngay từ Magdalla đến Đông Nam Á với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ và Synabulk chốt tàu **African Buzzard** (66.550 dwt, đóng 2014) đi từ Damma (04-05/04) qua Vịnh Ba Tư đến Bangladesh với giá khoảng 21.000 đô la Mỹ. Trong khi đó ở Đại Tây Dương, Polaris chốt tàu **Ocean Enterprise** (63.216 dwt, đóng 2016) đi ngay từ đèo Tây Nam đến Nhật Bản với giá khoảng 21.000 đô la Mỹ, họ cũng chốt thêm tàu **Brigitte** (58.624 dwt, đóng 2017) đi ngay từ Vịnh Hoa Kỳ đến Nhật Bản với giá khoảng 18.500 đô la Mỹ, tàu **Queen** (58.096 dwt, đóng 2010) được chốt chở sắt vụn đi ngay từ Continent đến phía Đông Địa Trung Hải với giá khoảng 12.500 đô la Mỹ.

Lễ Phục Sinh vẫn đang diễn ra tuần qua khiến nhiều hoạt động chững lại, song bên cạnh đó lại có nhiều tín hiệu khả quan đối với phân khúc **Handies**. Cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 11.306 đô la Mỹ, giảm 207 đô la Mỹ so với mức 11.513 đô la Mỹ của tuần trước. Thị trường hai khu vực Continent và Địa Trung Hải tăng nhẹ. Tàu **Venture Spirit** (43.482 dwt, đóng 2016) được chốt giao nguyên trạng, đi từ Bizerte đến Vịnh Ba Tư với giá khoảng 18.500 đô la Mỹ. Một tàu khoảng 34.000 dwt được chốt với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ, khởi hành từ Algeria đến Marmara. Phía Vịnh Hoa Kỳ ghi nhận ít hoạt động vận tải trong tuần. Cước ở Bờ Đông Nam Mỹ vẫn đang được duy trì ổn định, tàu **Arctic Ocean** (33.757 dwt, đóng 2010) neo ở Paranagua được chốt đi từ Recalada, chở hàng rời đến Dakar với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ. Tàu **rammo Baumann** (38.638 dwt, đóng 2015) neo ở San Nicolas được chốt đến Bờ Tây Nam Mỹ với giá khoảng 23.000 đô la Mỹ. Khu vực Thái Bình Dương vẫn đang thiếu nhu cầu chở hàng, số lượng tàu chờ ở đây đang ngày một tăng. Tuy nhiên, có dự đoán rằng nửa sau tháng 4 tình hình sẽ cải thiện hơn và có nhiều nhu cầu chở hàng từ Úc. Tàu **Xing Zhi Hai** (34.443 dwt, đóng 2015) được Tongli chốt giao nguyên trạng, đi

từ Singapore qua Indonesia đến Philippines với giá khoảng 8.800 đô la Mỹ. Tàu *St Andrew* (32.751 dwt, đóng 2010) neo ở Singapore, có tin tàu này được GMT đàm phán đi qua Tây Úc đến khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 8.000 đô la Mỹ, tuy nhiên không có thông tin chi tiết thương vụ.

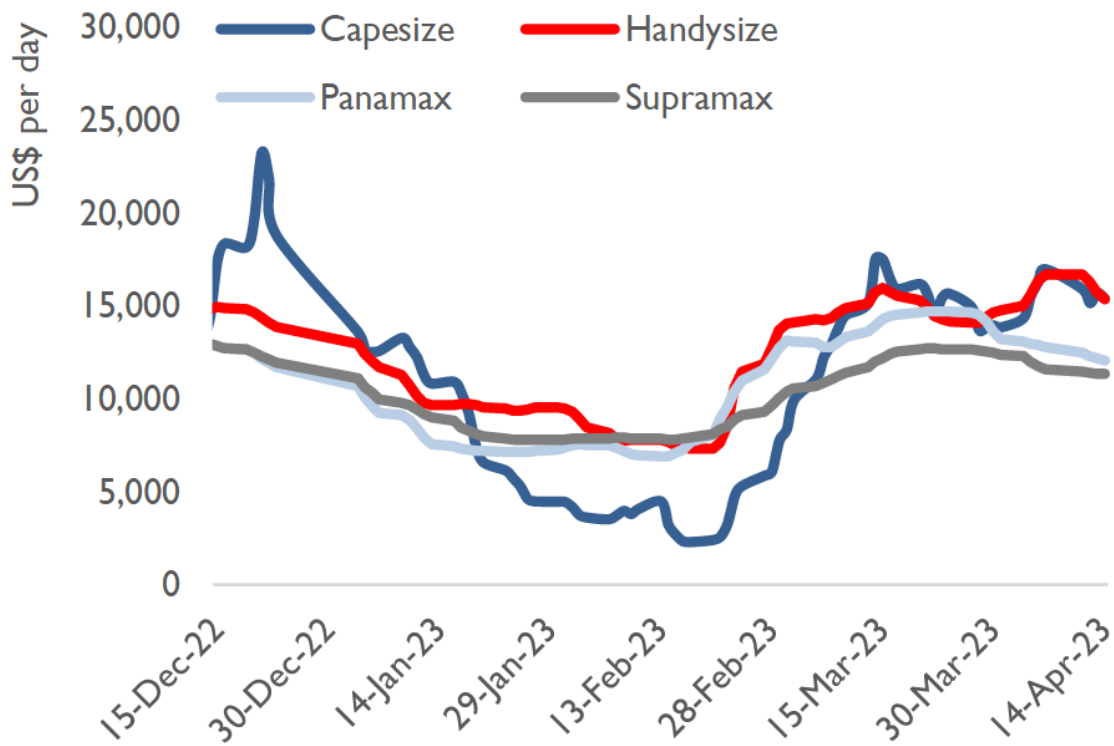
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 16/2023 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 16/2023	TUẦN 15/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 16)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 16)
TRANSATLANTIC RV	14,135	15,233	4,830	15,233
TCT CONT/F.EAST	25,035	26,465	14,764	26,465
TCT F.EAST/CONT	8,698	9,260	3,818	9,260
TCT F.EAST RV	13,911	14,904	6,763	14,904
<b>RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)</b>				
ATLANTIC RV	14,133	13,945	6,630	17,016
PACIFIC RV	9,541	10,663	5,056	13,531
TCT CONT/F.EAST	19,292	19,033	12,642	19,863

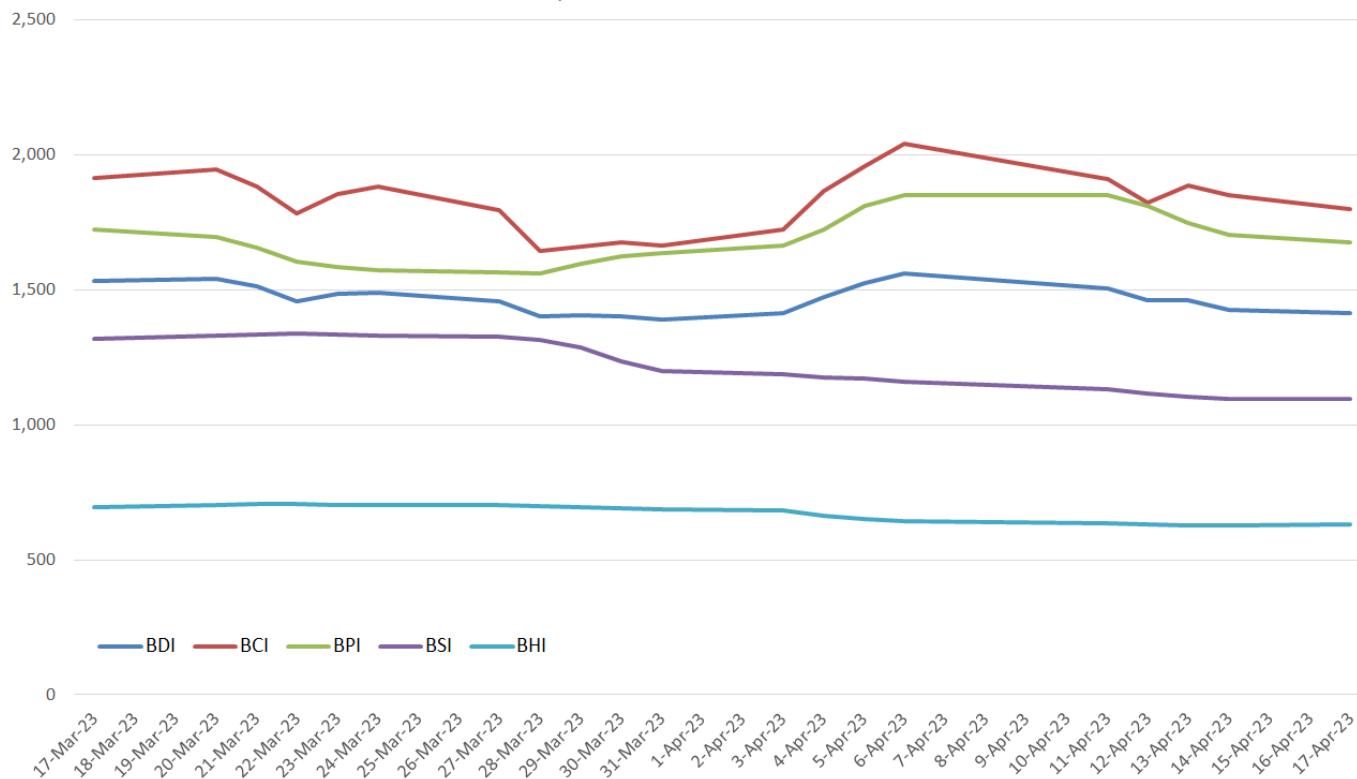
### GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 14/04/2023

	US\$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	12,059	▼	807
HANDIES 38K	11,306	▼	442

(so sánh với giá trị ngày 06/04/2023)



## CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



### 3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Theo đánh giá, việc Nga đã chuyển hướng xuất khẩu sang các thị trường Bắc Phi và Châu Á trong khi các nước Tây-Bắc Âu tăng cường việc nhập khẩu dầu từ khu vực Trung Đông, Châu Á và Bắc Mỹ để bù vào lượng hàng thiếu hụt nhập khẩu từ Nga trước đó đã thay đổi tuyến trình của các tàu chở dầu so với thời gian trước đó. Theo đánh giá, sự thay đổi trong xu hướng thương mại toàn cầu đã khiến cho lịch trình khai thác của tàu trở nên dài hơn và điều này đã thúc đẩy thêm nhu cầu đối với tàu chở dầu trong thời gian tới. Ngoài ra, việc cắt giảm sản lượng dầu của Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và các đối tác (OPEC+) vẫn tiếp tục là tâm điểm chú ý của giới và có thể đẩy giá dầu lên cao hơn, giáng một đòn mạnh vào nỗ lực giảm lạm phát và thiết lập lại tăng trưởng kinh tế ở các nước phát triển.

#### 3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<p><b>Phân khúc tàu VLCC</b></p>	<p>Xu hướng tàu VLCC có sự phân hóa diễn ra giữa các khu vực trong tuần vừa qua. Đơn cử, thị trường đang có bước chuyển hướng tích cực trên tuyến Trung Đông/Trung Quốc, ghi nhận cước tăng nhẹ lên mức WS 72 tương đương với 61.400 đô la Mỹ/ngày và cước trên tuyến Trung Đông/Hàn Quốc cũng tăng lên mức WS 71 tương đương với 59.300 đô la Mỹ/ngày. Nguyên nhân do nguồn cung tàu tại khu vực đang được thắt chặt trong tháng 5. Trong khi đó, ở khu vực Đại Tây Dương cước có xu hướng giảm nhẹ trong tuần vừa qua do nguồn cung tàu đang ở mức cao dẫn đến sự cạnh tranh về cước giữa các chủ tàu.</p>
<p><b>Phân khúc tàu Suezmax</b></p>	<p>Cùng chung xu hướng với thị trường tàu VLCC, cước tàu Suezmax trên tuyến Tây Phi/Châu Âu cũng đã giảm 12% tính theo đơn vị WS so với tuần trước đó do sự tăng lên của nguồn cung tàu tại trung vực. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Tây Phi/Châu Âu hiện đang ở mức WS 107,5 tương đương với 46.700 đô la Mỹ/ngày. Các giao dịch tại khu vực Biển Đen/Địa Trung Hải cũng đang phải chịu nhiều sức ép, ghi nhận cước từ khu vực Địa Trung Hải đi Trung Quốc giảm xuống mức 5,2 triệu đô la Mỹ từ mức 6,4 triệu đô la Mỹ trong tuần trước đó.</p>

### Phân khúc tàu Aframax

Ở khu vực phía Đông, thị trường không có nhiều biến động được diễn ra trong tuần vừa qua. Theo báo cáo, cước từ Trung Đông đi Singapore đang ở mức WS 227,5 tương đương với 70.600 đô la Mỹ trên ngày. Tại khu vực Atlantic, các chủ tàu đã cố gắng ký kết nhanh các giao dịch trước kỳ nghỉ lễ Phục Sinh của Hy Lạp trong điều kiện nguồn hàng khan hiếm và nguồn cung tàu ở mức khá cao. Do đó, ghi nhận cước trên tuyến Ceyhan/Lavera hiện đang ở mức WS 185 giảm khoảng 20% theo đơn vị tính WS so với tuần trước đó.

### 3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

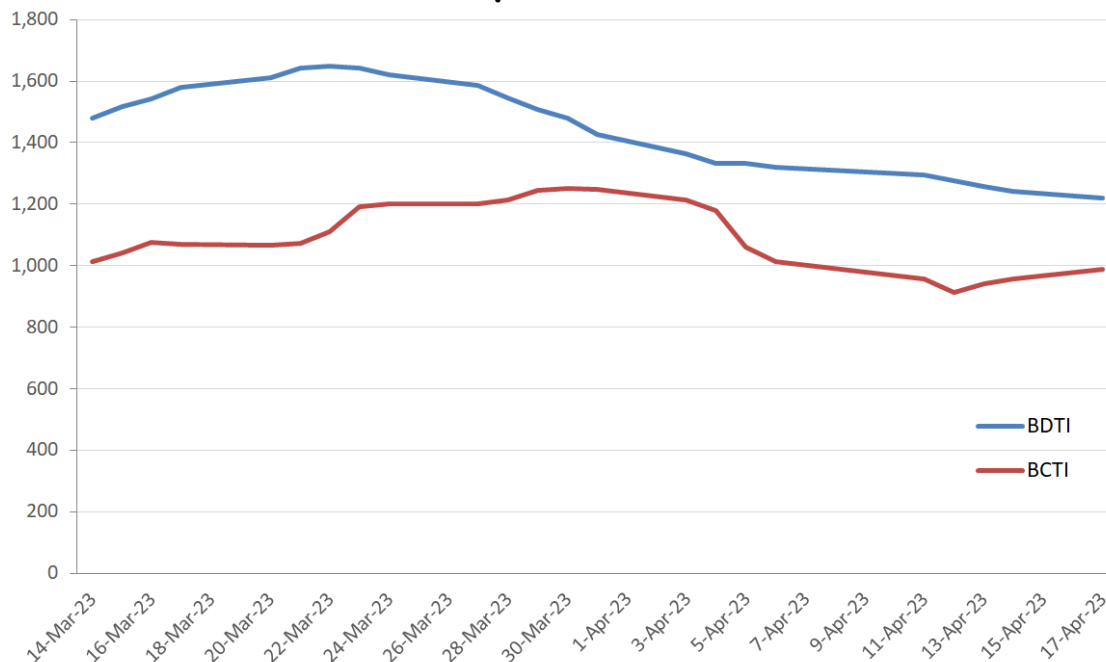
Đối với phân khúc **tàu MR**, các hoạt động giao dịch đã diễn ra ổn định ở cả hai khu vực phía Đông và Tây Suez. Theo tổng hợp, cước từ bờ Tây Ấn Độ đi Nhật đã tăng 6% so với tuần trước đó và hiện đang ở mức WS 220 tương đương với 33.900 đô la Mỹ/ngày, cước từ Singapore đi Đông Úc cũng tăng xấp xỉ 7% lên mức WS 270 tương đương với 35.400 đô la Mỹ/ngày. Đồng thời, ghi nhận cước tàu hoạt động tại khu vực Địa Trung Hải/Châu Âu cũng được duy trì ở mức ổn định, hầu hết nguồn cung tàu tại khu vực đã được ký kết từ thời điểm cuối tuần trước. Đơn cử, cước trên tuyến UKC/Tây Phi tăng 19% so với tuần trước đó và hiện đang ở mức WS 260 tương đương với 38.200 đô la Mỹ/ngày.

**Phân khúc tàu chở dầu/ hóa chất nhỏ:** Tại khu vực Châu Á: Thị trường đang có sự phân hóa diễn ra giữa các khu vực. Theo ghi nhận, các lô hàng vận chuyển dầu cộ đi Ấn Độ xuất hiện hiếm hoi trên thị trường và nguồn cung tàu tăng mạnh tại khu vực Singapore-Straits trong tuần vừa qua. Theo một số nguồn tin tổng hợp, cước chở 10.000-12.000 tấn dầu cộ từ Straits đi bờ Đông và Tây Ấn Độ hiện đang lần lượt dao động quanh mức 30 đô la Mỹ/tấn và 35 đô la Mỹ trên tấn, cước có thể đàm phán cao hơn một vài đô tùy thuộc vào vị trí cảng xếp và dỡ hàng. Bên cạnh đó, các ký kết đi khu vực phía Bắc vẫn chung xu hướng âm ảm với hầu hết các giao dịch trên thị trường đến từ các hợp đồng COA đã ký trước đó. Trái lại, các giao dịch ở khu vực Viễn Đông đã dần xuất hiện trở lại sau lễ Thanh Minh. Ghi nhận nhiều đơn hàng từ Hàn Quốc đi Đông Nam Á và Ấn Độ được ký kết trong điều kiện nguồn cung tàu đang được thắt chặt tại khu vực do sự suy yếu của thị trường Viễn Đông trong nhiều tuần trước đó. Tại khu vực Châu Âu: Xu hướng thị trường diễn ra thực sự trầm lắng do ảnh hưởng của kỳ nghỉ lễ Phục Sinh, cước trên các tuyến đều giảm xuống. Đơn cử, Trammo đã ký kết tàu Songa Breeze từ Châu Âu đi USG với mức cước 40 đô la Mỹ/tấn, giảm 10 đô la Mỹ/tấn so với tuần trước đó. Ngoài ra, cước tàu đi Paradip, Ấn Độ cũng giảm xuống mức 44 đô la Mỹ/tấn từ mức 55 đô la Mỹ/tấn vào thời điểm đầu năm. Các chủ tàu đang hy vọng rằng cước sẽ có sự chuyển biến tích cực vào tuần này khi các hoạt động trên thị trường sẽ trở lại sau kỳ nghỉ Lễ.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 16			Giá thuê tàu định hạn tuần 15		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	48,500	41,500	36,000	48,000	41,000	36,000
SUEZMAX	46,000	37,000	31,000	45,000	36,000	31,000
AFRAMAX	47,000	37,000	30,000	46,000	36,000	29,000
LR-2	45,000	36,000	30,000	44,500	35,000	30,000
LR-1	39,000	30,000	26,000	38,500	29,000	25,500
MR	33,000	25,000	23,000	32,500	25,000	23,000
HANDY	27,000	20,000	18,000	26,000	19,000	18,000

## CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



## 4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

### GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	610		630		650	
2	India	570		580		600	
3	Pakistan	540		550		560	
4	Turkey	330		340		350	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

### MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 16/2023

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Lily Breeze	Tanker	1998	9,898	Bangladesh	-	74,744	
Chem P	Tanker	1968	12,269	-	440.00	35,489	As is Malta, incl 308 tons solid stainless steel, 110 tons clad
Apollo Pacific	LPG	1988	2,189	India	650.00	2,995	
Leonard	Container	1998	7,852	India	-	22,983	
Meratus Malino	Container	1998	5,455	Bangladesh	-	14,464	
Z Star	MPP	1999	6,537	Bangladesh	560.00	22,318	
Yong Da Fa 102	Reefer	1984	1,736	Bangladesh	573.00	3,984	



**CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG**  
**PIONEER SHIPBROKERS**  
**MUA – BÁN – THUÊ TÀU**

Email: [snp@pioneershipbrokers.com.vn](mailto:snp@pioneershipbrokers.com.vn)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.  
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*